

TỘI MUA CHUỘC HOẶC CƯỠNG ÉP NGƯỜI KHÁC TRONG VIỆC KHAI BÁO, CUNG CẤP TÀI LIỆU: BẤT CẬP VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

CHU THI HƯƠNG
Trường Đại học Thủ Dầu Một

Nhận bài ngày 18/5/2026. Sửa chữa xong 20/6/2026. Duyệt đăng 25/6/2026.

Abstract

This article focuses on researching current legal regulations regarding the crime of bribing or coercing others in making declarations or providing documents. Based on a comparison of the provisions in Article 384 of the current Penal Code with relevant provisions in the current Criminal Procedure Code and Ordinance 02/2022/UBTVQH15, amended and supplemented in 2025, on administrative penalties for obstructing judicial proceedings, the author points out several legal gaps and limitations in the technical presentation of this article. From this, the author proposes several recommendations to improve the technical presentation and content of Article 384 of the current Penal Code, ensuring the consistency and clarity of the legal document. The recommendations relate to amending the law or issuing guiding documents to resolve misunderstandings and help judicial bodies apply this article accurately and consistently in practice.

Keywords: Article 384 of the Criminal Code, bribe, coerce, declare, provide documents.

1. Đặt vấn đề

Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu là một trong các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, được quy định tại Chương XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự). Qua tìm hiểu, tác giả nhận thấy quy định pháp luật hiện hành về tội phạm này vẫn còn tồn tại một số bất cập về đối tượng tác động, về dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung tăng nặng, về cơ chế xử lý cần được khắc phục.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp khi nghiên cứu, làm rõ những bất cập trong quy định pháp luật hình sự về tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong khai báo, cung cấp tài liệu cả về nội dung lẫn kỹ thuật trình bày văn bản. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp so sánh khi rà soát, đối chiếu các quy phạm pháp luật của Bộ luật Hình sự hiện hành với các quy phạm pháp luật của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Tố tụng hình sự), Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 18 tháng 08 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng, được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15) để tìm ra những mâu thuẫn, chồng chéo về việc xử lý tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong khai báo, cung cấp tài liệu giữa ba văn bản quy phạm pháp luật này.

2.1. Trong quy định về đối tượng tác động của tội phạm

Theo quy định tại khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự, đối tượng tác động của tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu là người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật. Về kỹ

Email: cthuong@tdmu.edu.vn.

thuật lập pháp, nếu hiểu theo đúng cách diễn đạt tại khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự, “đương sự” ở đây chỉ được hiểu là đương sự trong vụ án hình sự, trong vụ án hành chính và trong vụ án dân sự, không đề cập đến đương sự trong việc dân sự. Mặc dù việc dân sự không có tranh chấp nhưng không có nghĩa là việc mua chuộc, cưỡng ép đương sự trong việc dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu không xảy ra. Ngoài ra, Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự đã thay thế thuật ngữ “người bị hại” thành “bị hại” với phạm vi rộng hơn. Theo đó, bị hại là “*cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra*”, chứ không chỉ là cá nhân nữa. Do đó, theo tác giả, cũng cần chỉnh sửa thuật ngữ “người bị hại” ở khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự thành “bị hại” cho phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành.

Mặt khác, Điều 382 Bộ luật Hình sự quy định người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa kết luận, dịch, khai gian dối hoặc cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật là tội phạm. Trong khi Điều 384 Bộ luật Hình sự chỉ quy định hành vi mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, mà không đề cập đến người bào chữa. Người bào chữa là người tham gia tố tụng, cũng là đối tượng có thể bị mua chuộc hoặc cưỡng ép cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không cung cấp tài liệu. Do đó, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng việc không quy định người bào chữa là đối tượng tác động của Điều 384 Bộ luật Hình sự là chưa đầy đủ (Văn Linh, 2024). Bên cạnh đó, cũng không thể bỏ qua vai trò cung cấp tài liệu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, đặc biệt trong giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự – nơi nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ thuộc về các bên đương sự. Vì vậy, tác giả cho rằng cũng nên quy định hành vi mua chuộc hoặc cưỡng ép người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không cung cấp tài liệu là hành vi khách quan của tội phạm này.

Từ những phân tích trên, theo tác giả, đối tượng tác động của tội phạm này nên được chỉnh sửa, bổ sung, bao gồm: (i) người làm chứng; (ii) *bị hại*; (iii) đương sự trong các vụ án hình sự, *vụ án hành chính, vụ việc dân sự*; (iv) người giám định; (v) người định giá tài sản; (vi) người phiên dịch; (vii) người dịch thuật; (viii) *người bào chữa*; (ix) *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự*.

2.2. Trong quy định về dấu hiệu định tội và dấu hiệu định khung tăng nặng của tội phạm

Hành vi cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc là dấu hiệu định tội được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của Điều 384 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, điểm a khoản 2 Điều này lại quy định “*dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác*” là tình tiết định khung tăng nặng.

Hiện nay, có 02 luồng quan điểm khác nhau về hành vi cưỡng ép người khác trong khai báo, cung cấp tài liệu như sau:

Một là, hành vi cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật là hành vi uy hiếp, cưỡng bức về mặt tinh thần như dùng thủ đoạn đe dọa sẽ gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của họ hay người thân của họ (đe dọa giết họ hay gia đình họ, đe dọa đốt nhà họ, ...); đe dọa sẽ truyền chuyển công tác, không nâng lương đối với nhân viên dưới quyền, ... nhằm tác động đến ý chí của những người này buộc họ phải khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật, không khai báo, không cung cấp tài liệu hoặc kết luận gian dối, dịch xuyên tạc (Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng (chủ biên), 2017, tr. 603; Nguyễn Đức Mai (chủ biên), 2018, tr. 1116). Nếu hiểu theo quan điểm này, hành vi cưỡng ép là một dạng cưỡng bức về tinh thần, chủ yếu thể hiện dưới hình thức đe dọa sẽ dùng vũ lực, hoặc thủ đoạn khác.

Hai là, hành vi cưỡng ép thể hiện dưới dạng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác, nhưng vẫn có trường hợp cưỡng ép mà không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác (Đinh Văn Quế, 2021, tr. 372–373). Tức là hành vi cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không

cung cấp tài liệu; cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc ở khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự hiện hành đã bao hàm luôn cả tình tiết “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác” ở điểm a khoản 2 Điều này. Cùng quan điểm, nhiều ý kiến cho rằng quy định “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác” là tình tiết định khung tăng nặng của tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu là không phù hợp (Văn Linh, 2024), vi phạm nguyên tắc hành vi đã sử dụng để định tội thì không sử dụng để định khung hình phạt (Trần Đình Hải & Phan Diệu Linh, 2023), và kiến nghị xóa bỏ tình tiết định khung tăng nặng này tại khoản 2 Điều 384 Bộ luật Hình sự hiện hành.

Theo tác giả, dưới khía cạnh ngôn ngữ học, “cưỡng ép” được hiểu là “ép cho phải làm điều trái ý muốn” (Viện Ngôn ngữ học, 2003, tr. 233). Theo cách giải thích này, cưỡng ép là dùng mọi thủ đoạn buộc người bị cưỡng ép phải làm hoặc không được làm một việc trái ý muốn của mình. Vậy dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác buộc người khác từ chối khai báo, khai báo gian dối, từ chối cung cấp tài liệu hoặc cung cấp tài liệu sai sự thật cũng nằm trong nội hàm hành vi cưỡng ép trong khai báo, cung cấp tài liệu là dấu hiệu định tội quy định tại khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự. Nhưng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác cưỡng ép người khác từ chối khai báo, khai báo gian dối, từ chối cung cấp tài liệu hoặc cung cấp tài liệu sai sự thật có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với các hành vi cưỡng ép thông thường vì các lý do sau: (i) dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác không chỉ xâm phạm đến hoạt động tư pháp, mà còn có thể xâm phạm đến các quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân của người bị cưỡng ép và gia đình họ; (ii) dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác có khả năng tác động lên ý chí người bị cưỡng ép mạnh mẽ hơn so với các trường hợp đe dọa xâm hại đến tài sản, danh dự hay vị thế công tác thông thường; (iii) dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác thể hiện ý thức coi thường pháp luật cũng như các quan hệ xã hội quan trọng được luật hình sự bảo vệ là quyền bất khả xâm phạm về thân thể con người. Do đó, tác giả đồng ý về việc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với hành vi cưỡng ép trong khai báo, cung cấp tài liệu như quy định hiện nay. Hành vi cưỡng ép thông thường như đe dọa xâm phạm đến tài sản, danh dự, vị thế công tác, ... của người làm chứng, đương sự, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì bị xử lý theo cấu thành cơ bản tại khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự hiện hành, còn hành vi cưỡng ép những người này dưới dạng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác thì bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Tuy nhiên, xét về kỹ thuật trình bày văn bản, cách trình bày như hiện nay là chưa phù hợp. Như đã phân tích, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác là một dạng thể hiện của hành vi cưỡng ép ở khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự. Vậy nếu người phạm tội dùng vũ lực buộc người làm chứng khai báo gian dối thì bị xử lý theo quy định tại khoản 1 hay khoản 2 Điều 384 Bộ luật Hình sự? Điều này gây lúng túng cho việc áp dụng. Có ý kiến cho rằng để phân biệt trường hợp phạm tội ở khoản 1 với trường hợp phạm tội ở điểm a khoản 2 Điều này thì khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự phải quy định “Người nào mua chuộc hoặc cưỡng ép... mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 của điều luật thì...”. Hoặc phải viết “Người nào mua chuộc hoặc dùng thủ đoạn khác buộc người làm chứng, ...”, đồng thời phải giải thích thủ đoạn khác là thủ đoạn không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 của điều luật (Đình Văn Quế, 2021). Tác giả cho rằng phương án thứ nhất gây bất ổn cho tính logic của văn bản pháp luật, khi để xác định dấu hiệu định tội của một tội phạm, lại phải đối chiếu xem nó có thuộc dấu hiệu định khung tăng nặng của chính tội phạm đó hay không để dùng phép loại trừ. Vì vậy, theo tác giả phương án thứ hai hợp lý hơn, khi chỉnh sửa nội dung tại Khoản 1 và giữ nguyên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 384 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, nên chỉnh sửa nội dung quy định tại khoản 1 Điều 384 Bộ luật Hình sự hiện hành một cách rõ ràng hơn, chẳng hạn như: “Người nào mua chuộc hoặc dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần buộc người làm chứng ...”. Dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần đã loại trừ được trường hợp dùng vũ lực, nhưng để phân biệt được với trường hợp đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm khác thì vẫn cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể về “dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần”, “dùng thủ đoạn nguy hiểm khác” trong việc cưỡng ép khai báo, cung cấp tài liệu.

2.3. Một số bất cập trong cơ chế xử lý

Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384 Bộ luật Hình sự) là tội phạm có cấu thành hình thức, mặt khách quan của tội phạm này chỉ bắt buộc đối với dấu hiệu hành vi khách quan. Tức là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc thì đều bị xử lý hình sự về tội phạm này. Quy định này mâu thuẫn với quy định tại Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15.

Điều 13 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 quy định về hành vi cản trở hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ trong tố tụng hình sự như sau:

“3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người tham gia tố tụng lừa dối, đe dọa, mua chuộc hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người bị hại tham gia tố tụng hoặc buộc người bị hại khai báo gian dối, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Người tham gia tố tụng lừa dối, đe dọa, mua chuộc hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người làm chứng ra làm chứng hoặc buộc người khác ra làm chứng gian dối, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;

...

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người tham gia tố tụng lừa dối, đe dọa, mua chuộc hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người phiên dịch, người dịch thuật thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người phiên dịch, người dịch thuật dịch gian dối;

b) Người tham gia tố tụng lừa dối, đe dọa, mua chuộc hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người giám định, người định giá tài sản thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người giám định, người định giá tài sản kết luận sai với sự thật khách quan;

...

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với luật sư lừa dối, đe dọa, mua chuộc hoặc sử dụng vũ lực buộc người bị hại khai báo gian dối hoặc buộc người khác ra làm chứng gian dối;

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3, điểm a và điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều này.”

Lưu ý, Luật sư quy định tại Pháp lệnh này “là người tham gia tố tụng với tư cách: a) Người bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự; b) Người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính; c) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

Nếu như trong tố tụng hình sự, chỉ xử phạt vi phạm hành chính đối với người tham gia tố tụng có hành vi mua chuộc, cưỡng ép người khác trong khai báo, cung cấp tài liệu thì trong tố tụng hành chính và tố tụng dân sự, pháp luật quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với mọi chủ thể thực hiện hành vi này. Cụ thể theo Điều 18 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 quy định về hành vi cản trở hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ của cơ quan, người có thẩm quyền trong tố tụng hành chính, tố tụng dân sự:

“3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lừa dối, đe dọa, mua chuộc, cưỡng ép hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người làm chứng ra làm chứng hoặc buộc người khác ra làm chứng gian dối, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;

...

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lừa dối, đe dọa, mua chuộc, cưỡng ép hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người phiên dịch thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người phiên dịch dịch không trung thực, không khách quan, không đúng nghĩa;

b) Lừa dối, đe dọa, mua chuộc, cưỡng ép hoặc sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người giám định thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người giám định kết luận sai với sự thật khách quan;

...

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với luật sư thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3, điểm a và điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều này".

Chủ thể của tội phạm quy định tại Điều 384 Bộ luật Hình sự là chủ thể thường. Bất kỳ người nào đủ 16 tuổi trở lên, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Hình sự đều là chủ thể của tội phạm này, trong đó có cả người tham gia tố tụng. Quy định tại Điều 384 Bộ luật Hình sự và Điều 13, Điều 18 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 thể hiện việc phân định không rõ ràng trong cấu thành vi phạm hành chính và cấu thành tội phạm trong một số trường hợp. Khi một hành vi vừa có thể bị xử lý hành chính, vừa có thể xử lý hình sự. Đặt trường hợp luật sư tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa trong tố tụng hình sự mua chuộc người bị hại khai báo gian dối thì bị xử lý theo quy định tại Điều 384 Bộ luật Hình sự hay theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH2015?

Bắt cập này còn được thể hiện ở các tội phạm quy định tại Điều 382, 383 Bộ luật Hình sự, khi hành vi cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối, từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu của một số người tham gia tố tụng cũng có thể vừa bị xử lý hành chính, vừa bị xử lý hình sự. Đơn cử như trường hợp người giám định kết luận gian dối trong vụ án hình sự, theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng hình sự, người giám định kết luận gian dối phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự. Điều 382 Bộ luật Hình sự hiện hành cũng khẳng định người giám định kết luận gian dối thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với mức thấp nhất là phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm. Trong khi đó, điểm c khoản 4 Điều 13 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 lại quy định phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với người giám định kết luận gian dối.

Để giải quyết tình trạng này không hề đơn giản, cần được nghiên cứu, cân nhắc kỹ càng, có thể lựa chọn một trong 02 phương án sau:

Một là, bổ sung cụm từ "... đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm" vào khoản 1 các điều 382, 383, 384 Bộ luật Hình sự, nếu muốn xử lý hành vi cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối, hành vi từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu, mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu ở hai mức độ từ nhẹ đến nặng là xử lý hành chính và xử lý hình sự. Đồng thời cần chỉnh sửa các quy định tại khoản 5 Điều 66, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 69, điểm b khoản 3 Điều 70 Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng "... tùy tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự".

Hai là, giữ nguyên quy định tại Điều 382, Điều 383, Điều 384 Bộ luật Hình sự về các hành vi cung cấp tài liệu sai sự thật, khai báo gian dối, từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản, từ chối cung cấp tài liệu, mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu; giữ nguyên quy định tại khoản 5 Điều 66, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 69, điểm b khoản 3 Điều 70 Bộ luật Tố tụng hình sự; đồng thời chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 13, Điều 18 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 nhằm tránh trùng lặp các hành vi này giữa các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, nếu chỉ muốn xử lý nghiêm khắc các hành vi cản trở việc xác minh, thu thập chứng cứ này theo pháp luật hình sự.

Xem tiếp trang 319